
Bản án số: **37/2019/DS-ST**

Ngày: 04/10/2019

V/v “*Ly hôn, t/c hợp đồng tín dụng, t/c hợp đồng vay
tài sản, t/c hợp đồng góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Trương Thị Mỹ Lệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Khánh**

2. Bà **Võ Thị Dung**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông **Phạm Văn Bình** – Kiểm sát viên

Vào ngày 04/10/2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 756/2018/TLST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc “*Ly hôn, t/c hợp đồng tín dụng, t/c hợp đồng vay tài sản, t/c hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 06/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: số x, đường y, phường z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn V**, sinh năm: 1980

HKTT: số x, đường y, phường z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: tổ x, ấp y, xã z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

3 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

- **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Địa chỉ: số x, y, khu phố z, phường m, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Thạch D** – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Văn S**, sinh năm 1982 – chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro ngân hàng TMCP S.

Văn bản ủy quyền số 637A/2018/GUQ-CNLK ngày 27/11/2018

- Anh **Nguyễn Hoàng N** sinh năm: 1964 và chị **Đỗ Thị H** sinh năm: 1964

Địa chỉ: số x, y, phường z, thành phố Long khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: x, Cư xá y, phường z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Phạm Kim H**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: x, y, khu phố z, phường m, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: số x, hẻm y, khu phố z, phường m, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, đại diện ngân hàng, anh N có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Văn V vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Xuân Lộc, huyện Long Khánh. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc nhưng đến khi kinh tế khá giả hơn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, kéo dài đến năm 2018 chị phẫu thuật cắt bỏ tử cung, bị bệnh nặng, sức khỏe yếu nên không thể tiếp tục chịu đựng và xin ly hôn với anh V. Anh chị có 01 con chung tên Phan Nguyễn Thanh T sinh ngày 05/9/2013, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh V có các khoản nợ chung như sau

+ Nợ ngân hàng TMCP S số tiền 3.400.000.000 triệu đồng, tài sản thế chấp cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất số CM 700728 tại cấp cho Nguyễn Thị Thu H và Phan Văn V, quyền sử dụng đất số AG 8011327 cấp cho anh H chị Th và giấy đăng ký xe ô tô biển số 60C2-120.02 do chị Nguyễn Thị Thu H đứng tên đăng ký.

Đến thời điểm ly hôn thì còn nợ gốc 1.594.255.725 đồng, nợ lãi 40.011.289 đồng, quá trình đang giải quyết vụ án chị Th tự ứng số tiền 1.100.000.000 đồng để trả một phần nợ và xóa thế chấp đối với đất cấp cho chị Th. Ngày 17/5/2019 chị Th tiếp tục cho mượn số tiền 152.158.789 đồng trả thêm một phần nợ vay của ngân hàng, xóa thế chấp đối với xe ô tô biển số 60C2-120.02. Hiện chị và anh V còn nợ ngân hàng số tiền gốc 352.819.861 đồng, lãi suất tính đến ngày 23/5/2019 là 107.563.039.

+ Vay của anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H 700.000.000 đồng.

+ Nợ bà Nguyễn Thị L 220.000.000 đồng tiền hụi chết.

+ Vay của bà Phạm Kim H 200.000.000 đồng.

+ Mượn của chị Nguyễn Thị Th số tiền 152.158.789 đồng để trả một phần nợ vay của ngân hàng, xóa thế chấp đối với xe ô tô biển số 60C2-120.02.

Khi ly hôn chị yêu cầu anh V cùng chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên, chia phần anh V phải trả $\frac{1}{2}$ các khoản nợ chung..

Chứng cứ: tự khai, CMND, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, hồ sơ khám bệnh, hình ảnh.

- **Tại bản khai ngày 15/10/2018 bị đơn anh Phan Văn V** không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H tuy nhiên anh không nêu lý do, không đưa ra ý kiến về việc nuôi con, tài sản chung và nợ chung.

Chứng cứ: bản tự khai, CMND (bản photo), giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Th bà T chuyển nhượng lại cho ông H bà Th, giấy CNQSD đất cấp cho chị H anh V; hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1603400532 + biên bản giao nhận hồ sơ tài sản bảo đảm + phụ lục dư nợ giảm dần; hợp đồng tín dụng số LD 1624900673 + phụ lục lịch trả nợ + phụ lục tài sản bảo đảm; hợp đồng tín dụng số LD 1816200006 + phụ lục bảo đảm; hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải + bảo hiểm TNDS (tất cả là bản photo).

- **Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, các đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP S trình bày:** chị H anh V vay của ngân hàng 3.400.000.000 triệu đồng, tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất số AG 8011327 cấp cho anh H chị Th, quyền sử dụng đất số CM 700728 cấp cho anh V chị H và giấy đăng ký xe ô tô số 023514, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh sản xuất mua bán lông chim. Tính đến thời điểm anh chị ly hôn thì còn dư nợ gốc 1.594.255.725 đồng, nợ lãi 40.011.289 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đã thanh toán một phần nợ gốc (do chị Th ứng tiền trả thay), xóa thế chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất số AG 8011327 cấp cho anh H chị Th, dư nợ còn lại tính đến ngày 16/4/2019 nợ gốc là 494.255.725 đồng, nợ lãi 110.466.290 đồng. Đến ngày 17/5/2019 chị Nguyễn Thị Th chuyển khoản số tiền 152.158.789 đồng để trả nợ vay và xóa thế chấp đối với việc đăng ký xe ô tô biển số 60C2-120.02.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh V chị H thanh toán số nợ gốc 352.819.861 đồng, lãi suất tính đến ngày 04/10/2019 là 130.069.798 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng tính từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Chứng cứ: giấy ủy quyền, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy ủy quyền, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng số 02 ngày 11/6/2018, phụ lục tài sản bảo đảm, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01 ngày 24/11/2017, phụ lục tài sản bảo đảm, hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1603400532 ngày 30/01/2016, phụ lục dư nợ giảm dần, phụ lục lịch trả nợ đính kèm sửa đổi bổ sung số 01 ngày 24/11/2017, hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1624900673 ngày 06/9/2016, phụ lục lịch trả nợ đính kèm hợp đồng, phụ lục tài sản bảo đảm, phụ lục các điều khoản chung, phụ lục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng ngày 11/06/2018, phụ lục điều khoản chung đính kèm hợp đồng ngày 11/6/2018, hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 11107941 ngày 08/9/2016, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 11107646/TC-01, hợp đồng thế chấp QSD đất số 11109926/TC ngày 12/6/2018, hợp đồng thế chấp QSD đất số 11107646 ngày 30/01/2016, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60C2-120.02, điều lệ ngân hàng TMCP S, giấy CMND + sổ hộ khẩu của anh Phan Văn V chị Phan Thị Thu H.

- **Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2018, các lời khai bổ sung, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ**

liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H trình bày: ngày 20/5/2017 anh chị cho vợ chồng anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 700.000.000 đồng để sản xuất lồng chim, hẹn ngày 20/5/2018 thanh toán. Cùng ngày anh chị mua của chị H anh V 01 xe ô tô biển số 60C-120.02 do chị H đứng tên đăng ký với giá 350.000.000 đồng, do xe đang cầm cố để vay tiền ngân hàng nên H và V chưa giao giấy tờ xe cho anh chị sang tên đăng ký xe. Quá trình giải quyết ly hôn chị H đã thanh toán một phần nợ và được giải chấp đối với xe ô tô biển số 60C-120.02, đã giao giấy tờ xe cho anh chị theo đúng thỏa thuận mua bán, nay anh chị yêu cầu chị H anh V trả cho anh chị số tiền 700.000.000 đồng vay ngày 20/5/2017, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ: tự khai; CMND, sổ hộ khẩu, giấy bán xe ngày 20/5/2017 (bản chính), giấy vay tiền ngày 20/5/2017 (bản chính), đơn xin vắng mặt.

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, các lời khai bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thị L trình bày: vợ chồng anh V chị H có tham gia chơi hội do chị làm chủ hội, cụ thể hội mở ngày 15/01/2018, 20 phần, 20.000.000 đồng 01 phần, anh V chị H hót hội kỳ 2 ngày 15/02/2018 được 360.000.000 đồng, đã đóng được 07 kỳ hội chết còn thiếu 11 kỳ. Nay chị yêu cầu anh V chị H trả cho chị 11 kỳ hội chết x 20.000.000 đồng/01 kỳ là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận tiền hội ngày 15/02/2018 (bản chính).

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2019, các lời khai bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Phạm Kim H trình bày chị cho chị H anh V vay tiền, cụ thể ngày 10/7/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 01/8/2018 vay 100.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm giấy do H ký và trực tiếp nhận tiền. Nay chị yêu cầu anh V chị H trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu, giấy mượn tiền ngày 01/8/2018 và 10/7/2018 (bản chính)

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị là chị ruột của chị H, trước đây chị có thể chấp quyền sử dụng đất số AG 8011327 bảo đảm cho H và V vay tiền ngân hàng. Quá trình giải quyết ly hôn chị thấy H bị bệnh, không có thu nhập, bản thân chị có nhu cầu lấy lại đất thế chấp nên đã tự ứng số tiền 1.100.000.000 đồng trả nợ ngân hàng, xóa thế chấp đối với chứng nhận quyền sử dụng đất AG 8011327, hiện chị không khởi kiện H và V về số tiền này, hai bên tự giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp chị sẽ khởi kiện sau.

Ngày 17/5/2019 chị có chuyển khoản số tiền 152.158.789 đồng trả nợ cho khoản vay của H - V tại ngân hàng, mục đích để giúp H và anh N giải quyết ổn thỏa đối với chiếc xe ô tô biển số 60C2-120.02, tránh bị hủy hợp đồng mua bán sẽ gây thêm phiền phức cho H. Nay chị yêu cầu vợ chồng H, V trả cho chị số tiền 152.158.789 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ: CMND, sổ hộ khẩu, giấy ủy nhiệm chi số tiền 152.158.789 đồng.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: không có

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, ngoại trừ anh V được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh V, giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người liên quan, buộc chị H và anh V mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ chung cho người liên quan.

Về án phí: chị H chịu án phí ly hôn, anh V chị H chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V, Ngân hàng TMCP S, anh Nguyễn Hoàng N chị Đỗ Thị H, chị Nguyễn Thị L, chị Phạm Kim H, chị Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu anh V chị H thanh toán nợ vay, nợ hụi, căn cứ khoản 3 điều 26, điều 28 và điều 35 thì đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Long Khánh.

[2] Tư cách tham gia tố tụng: chị H là nguyên đơn, anh V là bị đơn trong vụ án, Ngân hàng TMCP S, anh Nguyễn Hoàng N chị Đỗ Thị H, chị Nguyễn Thị L, chị Phạm Kim H, chị Nguyễn Thị Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Ông Võ Văn S là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Phan Văn V có hộ khẩu thường trú tại số x, đường y, phường z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ nơi anh sinh sống thường xuyên và làm việc là tổ x, ấp y, xã z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết vụ án anh V thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án biết là vi phạm quy định tại khoản 3 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai tại địa chỉ tổ x, ấp y, xã z, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nhưng anh V vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị L, chị Phạm Kim H, chị Đỗ Thị H, chị Nguyễn Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, chị H, chị H và chị Th

- Ngân hàng TMCP S có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện phù hợp quy định pháp luật, nằm trong phạm vi khởi kiện ban

đầu nên chấp nhận.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Văn V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị H cho rằng cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc nguyên nhân do anh V hay quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chơi cờ bạc, bản thân chị bị bệnh phải cắt bỏ hết tử cung, anh chị đã ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Mặc dù anh V không đồng ý ly hôn, không thừa nhận các nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không thể hiện mong muốn hòa giải đoàn tụ với chị H. Chị H xác định không còn tình cảm, bị bệnh nên không mong muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Nhận thấy giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H ly hôn với anh V.

Về con chung: từ khi anh chị ly thân thì cháu T sống với chị H, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, xét yêu cầu của chị đảm bảo quyền lợi của con chung nên chấp nhận. Do chị H không yêu cầu nên tạm thời anh V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tòa án đã thông báo yêu cầu độc lập của những người liên quan nhưng anh V vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến về nợ chung. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng, hợp đồng thế chấp của ngân hàng S, giấy vay tiền giữa anh V chị H và anh N chị H, giấy xác nhận hui giữa anh V chị H và chị L đã có đủ cơ sở xác định đây là các khoản nợ chung của vợ chồng.

Đối với khoản nợ của chị H, mặc dù chỉ do cá nhân chị H ký giấy vay tuy nhiên việc vay tiền xảy ra trong thời điểm hôn nhân của anh chị còn tồn tại, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời điểm vay cơ sở sản xuất lồng chim vẫn đang hoạt động nên lời khai của chị H và chị H là có cơ sở và xác định đây là nợ chung của vợ chồng.

Đối với khoản nợ của chị Th, tại giấy ủy nhiệm chi ngày 17/5/2019 thể hiện chị Th đã chuyển số tiền 152.158.789 đồng cho người thụ hưởng là Nguyễn Thị Thu H, nội dung cho vợ chồng chị H mượn để trả nợ tại hợp đồng tín dụng LD 1624900673, giải chấp đối với việc cầm cố xe ô tô biển số 60C2-120.02. Sau khi chị Th chuyển tiền thì Ngân hàng đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, giảm trừ số tiền yêu cầu H, V thanh toán, anh N cũng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán xe. Như vậy đây là nợ chung và chị H anh V phải chịu trách nhiệm thanh toán lại cho chị Th số tiền 152.158.789 đồng.

Như vậy chị H và anh V có trách nhiệm trả nợ như sau:

+ Trả cho ngân hàng S 482.889.659 đồng (trong đó nợ gốc 352.819.861 đồng, lãi suất tính đến ngày 04/10/2019 là 130.069.798 đồng) và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng tính từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 334 tờ bản đồ 02 xã Bàu Trâm thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 700728 cấp cho anh V chị H được dùng đảm bảo để thi hành án.

+ Trả cho anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H số tiền 700.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 220.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Trả cho chị Phạm Kim H số tiền 200.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 152.158.789, không tính lãi suất.

Chia phần anh V và chị H mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ các khoản nợ chung nêu trên, đối với lãi suất phát sinh theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng tính từ ngày 05/10/2019 được tính theo số nợ gốc Tòa án đã chia phần cho anh V chị H chịu trách nhiệm thanh toán.

[7] Về các vấn đề khác:

- Chị Nguyễn Thị Th đã tự nguyện ứng số tiền 1.100.000.000 đồng trả một phần nợ vay của chị H anh V tại ngân hàng S, giải chấp đối với quyền sử dụng đất số AG 8011327 cấp cho anh H chị Th. Anh H có lời khai xác nhận không liên quan gì đến tiền và đất này, chị Th xác định không khởi kiện đối với anh V chị H về khoản tiền 1.100.000.000 đồng nên không xem xét.

- Việc anh V chị H bán xe ô tô biển số 60C2-120.02 cho anh N chị H khi chiếc xe đang là tài sản cầm cố tại Ngân hàng là không đúng quy định pháp luật, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị Th đã cho chị H mượn tiền trả nợ ngân hàng, giải chấp đối với xe ô tô biển số 60C2-120.02, anh N đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng mua bán xe nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với tranh chấp trên.

[8] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng. Chị H anh V phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng S, anh N chị H, chị L, chị H, chị Th được chấp nhận.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 5, 26, 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Phan Văn V.

- Về con chung: giao cháu Phan Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Phan Văn V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị Thu H được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của ông Nguyễn Hoàng N và bà Đỗ Thị H.

- Về nợ chung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng TMCP S, anh Nguyễn Hoàng N chị Đỗ Thị H, chị Nguyễn Thị L, chị Phạm Kim H và chị Nguyễn Thị Th.

- + Buộc anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị Thu H trả cho ngân hàng S số tiền 482.889.659 đồng. Chia phần chị Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng S số tiền 241.444.829,5 đồng (trong đó nợ gốc 176.409.930,5 đồng, nợ lãi 65.034.899 đồng); anh Phan Văn V trả cho Ngân hàng S số tiền 241.444.829,5 đồng (trong đó nợ gốc 176.409.930,5 đồng, nợ lãi 65.034.899 đồng).

Anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị Thu H phải trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng tính từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc (tính trên số nợ gốc Tòa án chia phần cho anh chị chịu trách nhiệm thanh toán).

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 334 tờ bản đồ 02 xã Bàu Trâm thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 700728 cấp cho anh Phan Văn V và chị Nguyễn Thị Thu H được dùng đảm bảo để thi hành án.

- + Buộc chị Nguyễn Thị Thu H trả cho anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H số tiền 350.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 110.000.000 đồng; trả cho chị Phạm Kim H số tiền 100.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 76.079.394,5 đồng.

- + Buộc anh Phan Văn V trả cho anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H số tiền 350.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 110.000.000 đồng; trả cho chị Phạm Kim H số tiền 100.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 76.079.394,5 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

- + Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST trong vụ án ly hôn, 38.325.726,72 đồng tiền án phí DSST, tổng cộng là 38.625.726,72 đồng tiền án phí, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 002866 ngày 20/9/2018 thành án phí, chị H còn nộp tiếp 38.325.726,72 đồng tiền án phí.

- + Anh Phan Văn V phải chịu 38.325.726,72 đồng tiền án phí DSST.

- + Hoàn trả cho Ngân hàng S 30.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009502 ngày 21/3/2019. Hoàn trả cho anh Nguyễn Hoàng N và chị Đỗ Thị H 17.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009535 ngày 01/4/2019. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị L 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí

theo biên lai thu số 009528 ngày 27/3/2019. Hoàn trả cho chị Phạm Kim H 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009524 ngày 27/3/2019. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th 3.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 009696 ngày 28/3/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người liên quan ngân hàng TMCP S, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người liên quan chị H, chị L, chị H, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn ;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Mỹ Lệ